

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2019

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tiêu Kim Thuận

2. Ông Lê Hoàng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 797/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1986

Địa chỉ: 595/21B đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Viên, sinh năm 1986

Địa chỉ: 595/21B đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phiên Phiên tòa vắng mặt bà H và ông V (bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống cụ thể vợ chồng bà không có sự chia sẻ quan tâm chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai người ấy sống nên đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Bà đã nộp đơn 01 lần nhưng sau đó đã rút đơn nhằm tạo điều kiện cho ông V sửa chữa và cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên ông V vẫn không thay đổi nên bà tiếp tục nộp đơn yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quỳnh Tuệ L, sinh ngày 20/4/2017 (nữ). Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Ngoài ra bà H không còn yêu cầu nào khác.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do ông V đã được Tòa án triệu tập họp lệ mà vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt còn ông V vắng mặt không lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Đối với nguyên đơn tuân thủ đúng quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không tuân thủ đúng quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, đây là tranh chấp về “ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại địa chỉ số 595/21B đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10.

Tại phiên tòa ngày 15/5/2019, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn V đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông V, ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

2. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, ngày 01/6/2016

của Ủy ban nhân dân xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng của bà H và ông V:

Theo bà H trình bày quá trình chung sống vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống cụ thể vợ chồng bà không có sự quan tâm, chia sẻ mà mạnh ai nấy sống. Bà đã nộp đơn 01 lần nhưng sau đó đã rút đơn nhằm tạo điều kiện cho ông V sửa chữa và cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên ông V vẫn không thay đổi nên bà và ông V đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng thì vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên hiện nay giữa bà H và ông V không còn sống chung với nhau, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quỳnh Tuệ L, sinh ngày 20/4/2017 (nữ). Xét thấy trẻ Nguyễn Quỳnh Tuệ L đang còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên cần sự chăm sóc từ người mẹ nhiều hơn, mặt khác trẻ đang sống chung với bà H nên Hội đồng xét xử quyết định giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con đôi bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Không có.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Quỳnh Tuệ L, sinh ngày 20/4/2017 (nữ) cho bà Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Đang sự khai không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2018/0016639 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Quyết